

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Kế hoạch triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Khung Quy định không gây mất rừng châu Âu (EUDR);

Thực hiện Văn bản số 5179/BNN-HTQT ngày 01/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc triển khai Khung Kế hoạch hành động thích ứng với Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 314/TTr-SNNMT ngày 05/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Kế hoạch số 2199/KH-UBND ngày 25/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sáp nhập).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Công Thương; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ngoại vụ; Tổng Biên tập Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai; Chủ tịch Hiệp hội gỗ và Lâm sản Bình Định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và MT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, N5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Mah Tiệp

KẾ HOẠCH

Triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

Thực hiện Văn bản số 5179/BNN-HTQT ngày 01/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc triển khai Khung Kế hoạch hành động thích ứng với Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu trên địa bàn tỉnh Gia Lai với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ sản xuất, chế biến, tiêu thụ sang thị trường châu Âu đối với các ngành hàng Cà phê, Cao su, gỗ và sản phẩm gỗ trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Khung hành động thực hiện thích ứng với Quy định sản xuất, xuất khẩu các hàng hóa và sản phẩm có liên quan đến gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh châu Âu (EU).

- Triển khai, tổ chức tuyên truyền và phổ biến Bộ quy trình hướng dẫn để các địa phương, doanh nghiệp và người dân thực hiện các hoạt động cần thiết nhằm thích ứng với quy định Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong ngành Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo xây dựng các vùng sản xuất không gây mất rừng, suy thoái rừng, góp phần sản xuất bền vững kết hợp với các mục tiêu bảo tồn tài nguyên, bảo vệ bền vững các hệ sinh thái rừng tự nhiên và đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương.

- Đáp ứng những tiêu chuẩn xanh, chính sách xanh của EU cũng là cơ hội giúp giảm thiểu chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Việc từng doanh nghiệp tham gia chuyển đổi xanh sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy tiến trình phát triển kinh tế xanh ở địa phương; mang đến sự bảo đảm nhất định cho khả năng xuất khẩu của doanh nghiệp tới các thị trường phát triển khác vốn cũng đang thúc đẩy các hành động tương tự.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hoạt động; tổ chức triển khai, kiểm tra giám sát việc

thực hiện quy định sản xuất, xuất khẩu các hàng hóa; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết cho các loại hàng hóa nông lâm sản của tỉnh đảm bảo quy định về chuỗi các giá trị sản phẩm không gây mất rừng, suy thoái rừng khi nhập khẩu vào châu Âu nói riêng và thị trường toàn cầu nói chung.

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước về cung cấp thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước theo ngành, lĩnh vực quản lý.

- Xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, gắn với chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả.

- Kế hoạch cần sự tham gia có trách nhiệm, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan; huy động mọi nguồn lực hợp pháp từ các thành phần kinh tế.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Xây dựng khung hợp tác trong thực hiện Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR)

- Kiện toàn nhóm Công tác công tư cấp tỉnh cho các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi Quy định EUDR như: Gia súc, Ca cao, Cà phê, Dầu cọ, Cao su, Đậu nành và gỗ; triển khai các hoạt động hợp tác công tư; thực hiện các hoạt động và chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh cho các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi Quy định EUDR; phối hợp với nhóm công tác chung và nhóm công tác các ngành hàng ở trung ương, các tổ chức quốc tế xây dựng các thỏa thuận hợp tác và hỗ trợ triển khai thực hiện các hợp tác công tư; xây dựng các chương trình, dự án để kêu gọi đầu tư công, tư và tài trợ quốc tế để triển khai thực hiện các hoạt động trên.

- Bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương hỗ trợ các chuỗi giá trị ngành hàng theo Quy định EUDR.

2. Tuyên truyền, phổ biến Quy định EUDR đến các cơ quan quản lý các cấp, các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân

2.1. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật cho các ngành hàng đáp ứng các yêu cầu Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR)

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*thông qua 03 cơ quan chủ trì: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Vụ Hợp tác quốc tế*) và sự hỗ trợ của các Tổ chức quốc tế để xây dựng, hướng dẫn kỹ thuật cho các ngành hàng đáp ứng các Quy định EUDR; đồng thời, thường xuyên thu thập, cập nhật các tài liệu, văn bản về cơ chế, chính sách của Trung ương, các Bộ, ngành và Liên minh châu Âu có liên quan đến Quy định EUDR để kịp thời chia sẻ và phản hồi thông tin với các doanh nghiệp nhập khẩu hàng vào thị trường EU, theo yêu cầu của Liên minh châu Âu.

- Tổ chức các buổi tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức về tính hợp pháp trong sản xuất, kinh doanh của các mặt hàng nông, lâm sản nói chung và Quy định EUDR nói riêng để các hộ nông dân, các công ty xuất khẩu ý thức được tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc nông, lâm sản, qua đó tích cực và chủ

động thực hiện các hoạt động cần thiết để tăng cường tính minh bạch đối với nguồn gốc sản phẩm và giảm thiểu rủi ro trong chuỗi cung ứng.

2.2. Tuyên truyền, phổ biến Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) đến các cơ quan quản lý các cấp, các đối tác trong các chuỗi giá trị ngành hàng

- Thường xuyên thông tin tuyên truyền, phổ biến tài liệu về Quy định EUDR của Liên minh châu Âu đến các đối tượng: Chính quyền địa phương; các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị, đoàn thể thuộc tỉnh, các hiệp hội ngành hàng; các tổ chức, doanh nghiệp; các hợp tác xã; cộng đồng và người dân, đặc biệt các hộ sản xuất cung ứng nguyên liệu, chế biến các loại hàng hóa thuộc phạm vi ảnh hưởng bởi Quy định EUDR nhằm thúc đẩy sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, chuyển đổi sang chuỗi cung ứng không gây mất rừng.

- Thông tin truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, loa phát thanh ở cơ sở nơi sinh hoạt cộng đồng của các khu dân cư, các trang mạng xã hội; lồng ghép thông tin trong các chương trình tập huấn tuyên truyền từ các chương trình, dự án hỗ trợ trong nước và quốc tế trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền, phổ biến các Quy định EUDR, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đến các cơ quan quản lý các cấp, các tác nhân trong các chuỗi giá trị ngành hàng gỗ, lâm sản,... để sản phẩm đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu đảm bảo theo đúng Quy định EUDR; vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sinh sống gần rừng, ven rừng ký cam kết không phá rừng, lấn, chiếm rừng, đất rừng trái pháp luật.

3. Các giải pháp kỹ thuật

3.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu cấp tỉnh, cấp xã về khu vực vùng trồng tạo sản phẩm hàng hóa bị ảnh hưởng bởi Quy định EUDR

- Cập nhật số liệu bản đồ địa chính số hóa đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các trang trại, vườn trồng theo các loài cây trồng; tập trung vào các loại hàng hóa nông, lâm sản có ảnh hưởng bởi Quy định EUDR như: Cà phê, Ca cao, Cao su,...

- Điều tra, rà soát bổ sung đối với diện tích chưa có bản đồ địa chính (chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) về loại cây trồng; từ đó rà soát, thống nhất diện tích vùng trồng các loại cây nông, lâm sản chính có ảnh hưởng bởi Quy định EUDR chồng lấn diện tích rừng trên bản đồ và ngoài thực địa. Căn cứ trên dữ liệu về rừng và vùng trồng, phân định các vùng có nguy cơ phá rừng cao (các vùng trồng xen kẽ rừng, có nguy cơ cao xâm hại đến tài nguyên rừng sau thời điểm ngày 31/12/2020), trung bình (các vùng trồng tiếp giáp giữa đất đã canh tác với đất rừng), thấp (các vùng trồng tập trung cách xa rừng đã canh tác ổn định không liên quan đến mất rừng trước thời điểm ngày 31/12/2020); cơ sở dữ liệu cấp xã về bản đồ vùng trồng được tổng hợp chung cho toàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan của Trung ương, các Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và công nhận cơ sở dữ liệu quốc gia về vùng trồng; xây dựng quy định về chia sẻ và phản hồi

thông tin đối với vùng trồng; xây dựng và triển khai truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng đến vùng đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi Quy định EUDR trên địa bàn tỉnh.

3.2. Tiếp tục xây dựng và triển khai hoạt động truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng đến vùng có gắn với định vị điểm (Points) và ranh giới số (Polygon) của từng vườn đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi Quy định EUDR

- Các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tiếp tục tăng cường hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông, lâm sản gắn với chỉ dẫn địa lý vùng trồng theo Quy định EUDR; đồng thời, tích hợp được các thông tin truy xuất nguồn gốc đất có rừng và không có rừng, chất lượng an toàn lao động và vệ sinh môi trường cấu thành trong sản phẩm.

- Theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn được giao, các sở, ban, ngành phối hợp với các đơn vị của Trung ương, các Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế tiếp nhận hoặc xây dựng và công nhận cơ sở dữ liệu quốc gia về rừng tự nhiên và vùng trồng. Rà soát và thống nhất bản đồ thực địa; chia sẻ, cập nhật và số hóa dữ liệu bản đồ địa chính các vườn trồng và điều tra bổ sung đối với các vườn chưa có trên bản đồ địa chính; dựa trên dữ liệu về rừng và vùng trồng, phân định các vùng có nguy cơ phá rừng cao, trung bình và thấp, từ đó xác định các giải pháp phù hợp trong việc giám sát, bảo vệ và khôi phục rừng, thiết lập hệ thống truy xuất, hỗ trợ sinh kế, sản xuất bền vững; xây dựng cơ chế và triển khai thực hiện việc chia sẻ và phản hồi thông tin với các doanh nghiệp nhập khẩu hàng vào EU, theo yêu cầu của Ủy ban châu Âu.

3.3. Tăng cường triển khai công tác quản lý bảo vệ rừng, giám sát sự biến động rừng, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ hiện trạng rừng

- Tăng cường các hoạt động tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng, đặc biệt là các hành vi phá rừng, lấn, chiếm rừng, đất rừng trái pháp luật; giám sát các chủ rừng là tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao rừng triển khai các giải pháp bảo vệ rừng trên lâm phần được giao quản lý theo chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng tại Chỉ thị số 13-CT/TW, Kết luận số 61-KL/TW, Nghị quyết số 29/NQ-CP, Luật Lâm nghiệp và nội dung các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết.

- Quản lý bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng tự nhiên hiện có, bảo tồn, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và hạn chế tối thiểu rừng bị suy thoái, đặc biệt là rừng đặc dụng, đồng thời, nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị từng loại rừng, góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường năng lực thực thi pháp luật, giảm căn bản tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp, chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng.

- Tiếp tục triển khai áp dụng chứng chỉ quản lý rừng bền vững đối với các ngành hàng gỗ rừng trồng đang triển khai trên địa bàn tỉnh để phù hợp với Quy định EUDR. Tập trung kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững của các đơn vị chủ rừng là tổ chức, chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc nhóm hộ, tổ hợp tác có hoạt động du lịch sinh thái theo quy định; Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách, giải pháp để hỗ trợ, khuyến khích các chủ rừng, đặc biệt chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết hình thành nhóm hộ xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, hướng đến cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

- Tập trung điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; xây dựng cơ sở dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp, bản đồ hiện trạng rừng; đẩy nhanh việc đo đạc, xác định ranh giới, sớm hoàn thành việc cắm mốc lâm phần cho các chủ rừng trên bản đồ và ngoài thực địa nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ và hiệu quả đối với rừng và đất lâm nghiệp; thực hiện cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu về rừng và đất lâm nghiệp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để khai thác, sử dụng; triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 và Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023) và Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024.

3.4. Xây dựng các mô hình chuyển đổi sinh kế bền vững tại các vùng rủi ro

- Xây dựng các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng phát huy lợi thế về đất đai, thích ứng với biến đổi khí hậu và môi trường góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, lâu dài; chú trọng phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; bảo vệ, khôi phục và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học phù hợp với Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 và Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023) và Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024.

- Việc xây dựng các mô hình chuyển đổi sinh kế bền vững tại các vùng rủi ro phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tạo việc làm và nâng cao đời sống, cải thiện sinh kế người dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, người dân sống ở khu xen kẽ rừng, tiếp giáp rừng, vùng sâu, vùng xa.

4. Xây dựng và vận hành cơ chế đối thoại và đàm phán với EU và các quốc gia thành viên về Quy định EUDR và các quy định khác

- Phối hợp với Vụ Hợp tác Quốc tế thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan thuộc Bộ, các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế xây dựng và vận hành cơ chế đối thoại và đàm phán với EU và các quốc gia thành viên về Quy định EUDR.

- Xây dựng cơ chế và triển khai thực hiện việc chia sẻ và phản hồi thông tin với các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa vào EU, theo yêu cầu của Ủy ban châu Âu. Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ liên quan đến các mặt hàng nông, lâm sản xuất khẩu đáp ứng các Quy định EUDR.

5. Huy động nguồn lực

- Huy động hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế như: Liên minh châu Âu (EU), Tổ chức Sáng kiến Thương mại bền vững (IDH), Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ),... triển khai các chương trình dự án tiếp cận theo hướng cải thiện cảnh quan rừng, canh tác bền vững, bảo vệ tài nguyên và an sinh xã hội; từ đó góp phần giảm mất rừng, suy thoái rừng thông qua các giải pháp: (1) Hỗ trợ giám sát biến động tài nguyên rừng thông qua áp dụng các ứng dụng công nghệ số GIS, công nghệ viễn thám; (2) Tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân trong triển khai liên kết công tư; (3) Hỗ trợ xây dựng các chuỗi cung ứng ngành hàng bền vững không gây phương hại đến rừng gắn với kiểm soát việc truy xuất nguồn gốc.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường: Huy động các nguồn lực theo hợp tác công tư, trên cơ sở kế thừa những dữ liệu, thông tin sẵn có của địa phương; chủ động bố trí sẵn nguồn nhân lực để triển khai thực hiện kế hoạch. Xây dựng nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện kế hoạch giải pháp thích ứng với quy định không gây mất rừng của EU cho các ngành hàng nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

1. Kinh phí để thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật liên quan; kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình, đề án, dự án, kế hoạch khác có liên quan đến Quy định EUDR.

2. Nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh; tổng hợp tình hình triển khai thực hiện, định kỳ năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan khi có yêu cầu.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan: Tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kịp thời, hiệu quả; phổ biến Quy định EUDR, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đến các đơn vị trực thuộc sở, các chủ rừng và đơn vị có liên quan khác để triển khai thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Nhóm Công tác công tư cấp tỉnh.

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường huy động các nguồn lực từ các nhà tài trợ, viện trợ, sử dụng các dự án vốn ODA từ các tổ chức quốc tế (trong đó có Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, Tổ chức Sáng kiến Thương mại bền vững,...) để xây dựng và trình cấp có thẩm quyền xem xét, công nhận cơ sở dữ liệu cấp tỉnh, cấp xã về khu vực rừng, khu vực đất lâm nghiệp và vùng trồng tạo sản phẩm hàng hóa có ảnh hưởng bởi Quy định EUDR.

đ) Dựa trên cơ sở dữ liệu về rừng và các vùng tạo sản phẩm hàng hóa có ảnh hưởng bởi Quy định EUDR, phối hợp với chính quyền địa phương tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xác định các vùng có nguy cơ phá rừng cao, trung bình và thấp; đồng thời, đề xuất giải pháp phù hợp trong công tác quản lý, bảo vệ và khôi phục rừng.

e) Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan trong việc thực hiện điều tra, rà soát bổ sung đối với diện tích chưa có bản đồ địa chính vùng trồng, giám sát, quản lý, hướng dẫn việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng bền vững kết hợp với các mục tiêu bảo tồn tài nguyên và đảm bảo an sinh xã hội, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật; thông tin đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và dữ liệu bản đồ địa chính để quản lý, sử dụng theo Quy định EUDR.

g) Chỉ đạo các cơ quan đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tiếp tục tăng cường kiểm tra và hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, nông hộ triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh tiêu thụ hàng hóa nông lâm sản ảnh hưởng bởi Quy định EUDR theo hướng: (1) Duy trì và tiếp tục phát triển chuỗi giá trị cung ứng hàng hóa bền vững không gây mất rừng, suy thoái rừng; (2) Sản phẩm hàng hóa phải tuân thủ các yêu cầu liên quan khác về môi trường, lao động, bảo vệ, bảo tồn hiện trạng tài nguyên khu vực sản xuất hàng hóa theo các tiêu chí của hệ thống chứng nhận/kiểm tra; (3) Tiếp tục triển khai các chính sách, quy định hiện hành, các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và các bộ, ngành liên quan; kết hợp lồng ghép thực hiện các chương trình dự án của các tổ chức quốc tế để hỗ trợ chuyển đổi, cải thiện sinh kế cho người dân sinh sống xen kẽ rừng và tiếp giáp rừng; thiết lập hệ thống truy xuất, hỗ trợ sinh kế, sản xuất bền vững để đáp ứng Quy định EUDR.

h) Tổ chức kiểm tra, theo dõi quá trình thực hiện của các cơ quan, địa phương, đơn vị; kịp thời tổng hợp, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét chỉ đạo, xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh.

i) Chịu trách nhiệm quản lý chia sẻ cơ sở dữ liệu vùng trồng cho các doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường EU theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, Sở Tài chính sẽ tổng hợp, đề xuất nguồn kinh phí thực

hiện nhiệm vụ thuộc Kế hoạch theo khả năng cân đối và phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Sở Ngoại vụ

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan trong việc huy động hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài để triển khai thực hiện Quy định EUDR.

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng của tỉnh tham gia các sự kiện, diễn đàn kinh tế quốc tế.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường cùng các cơ quan liên quan tham mưu việc ký kết các thỏa thuận hợp tác, các bản ghi nhớ (MOU) nhằm tiếp nhận hỗ trợ về công nghệ truy xuất nguồn gốc, đào tạo nguồn nhân lực, hoặc xây dựng các mô hình sản xuất bền vững.

d) Tiếp nhận, xử lý và truyền đạt các thông tin chính thức, văn bản hướng dẫn hoặc yêu cầu từ phía EU tới các sở, ban, ngành liên quan của tỉnh và thông tin ngược lại cho phía đối tác EU về những nỗ lực, kết quả và cả những khó khăn, thách thức của tỉnh Gia Lai trong quá trình thực thi Quy định EUDR.

4. Sở Công Thương

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên cung cấp thông tin, hướng dẫn cho doanh nghiệp, Hợp tác xã những quy định xuất khẩu hàng hóa có quy định liên quan đến gây mất rừng và suy thoái rừng của EU.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp, Hợp tác xã của tỉnh tham gia các hoạt động quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại và kết nối tiêu thụ, xuất khẩu đối với sản phẩm nông lâm sản của tỉnh theo đúng quy định về không gây mất rừng và suy thoái rừng của EU.

c) Thường xuyên thu thập, cập nhật các văn bản về cơ chế, chính sách của Trung ương và các bộ, ban, ngành có liên quan đến các hoạt động thích ứng với Quy định EUDR để chia sẻ và phản hồi thông tin với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa vào EU.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan duy trì và phát triển các thương hiệu sản phẩm; quảng bá, giới thiệu, đăng ký bảo hộ ra nước ngoài cho sản phẩm đáp ứng theo quy định thị trường EU.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong định hướng nghiên cứu, lựa chọn, đưa vào sản xuất các vật tư nông nghiệp mới và công nghệ tiên tiến; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao ứng dụng công nghệ cao, thiết bị mới tiên tiến vào sản xuất, sơ chế, chế biến, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường EU.

c) Ưu tiên nghiên cứu và triển khai ứng dụng các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, phát hiện sớm mất rừng và suy thoái rừng; hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng các giải pháp truy xuất nguồn gốc sản phẩm

hàng hóa đảm bảo đầy đủ các thông tin truy xuất theo chỉ dẫn địa lý và các thông tin liên quan theo Quy định EUDR và phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế về truy xuất nguồn gốc.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng nội dung, kênh truyền thông trên cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai, phổ biến Quy định EUDR đến các cơ quan quản lý các cấp, các đơn vị liên quan trong các chuỗi giá trị ngành hàng và sản phẩm có liên quan đến gây mất rừng và suy thoái rừng của EU.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định EUDR trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

6. Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các hoạt động thông tin truyền thông về Quy định EUDR.

b) Chuyển thể hóa các nội dung chuyên môn thành các sản phẩm báo chí hấp dẫn, dễ hiểu, phù hợp với từng đối tượng (bài viết, infographic, video, audio spot...).

c) Xây dựng kế hoạch và phân bổ thời lượng, tần suất phát sóng/đăng tải trên các nền tảng (báo in, báo điện tử, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội).

7. Các Hội, Hiệp hội: Doanh nghiệp tỉnh; Doanh nhân trẻ tỉnh; Nữ Doanh nhân; Gỗ và Lâm sản Bình Định

Trên cơ sở quy chế hoạt động của Hội, Hiệp hội được cấp thẩm quyền công nhận, tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ, tiếp cận, hỗ trợ và thay mặt các doanh nghiệp, công ty để làm đầu mối phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, phản ánh khó khăn, vướng mắc và các vấn đề liên quan để Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo phối hợp thực hiện.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Tổ chức triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định EUDR trên địa bàn xã, phường đảm bảo các nhiệm vụ chung của tỉnh, tập trung vào các nội dung cụ thể sau:

a) Tuyên truyền, vận động và thông tin nội dung về Quy định EUDR đến các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình tại địa phương có hoạt động liên quan đến ngành hàng nông, lâm sản ảnh hưởng bởi quy định.

b) Chỉ đạo các phòng ban chức năng phối hợp với Hạt Kiểm lâm khu vực, các đơn vị chủ rừng để xây dựng cơ sở dữ liệu cấp xã về khu vực rừng, khu vực đất lâm nghiệp và vùng trồng tạo sản phẩm hàng hóa có ảnh hưởng bởi Quy định EUDR.

c) Phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp, đơn vị tư vấn và các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng đến vùng, có gắn với định vị của từng vườn đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi Quy định EUDR trên địa bàn.

d) Phối hợp với Hạt Kiểm lâm khu vực, lực lượng vũ trang, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của các chủ rừng và cộng đồng người dân bảo vệ rừng tăng cường các hoạt động tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng; giám sát chặt chẽ vùng nguy cơ rủi ro cao (các vùng trồng các loại cây thuộc các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi Quy định EUDR, đặc biệt là cà phê xen kẽ rừng) để theo dõi cập nhật vào cơ sở dữ liệu khu vực rừng, khu vực đất lâm nghiệp và vùng trồng tạo sản phẩm hàng hóa có ảnh hưởng bởi Quy định EUDR.

đ) Bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo đúng quy định pháp luật để thực hiện các chương trình, dự án, đề án thực thi Quy định EUDR trên địa bàn.

e) Tổ chức triển khai, quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc địa phương quản lý; kiểm tra, giám sát thực hiện, định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện ở địa phương.

g) Vận động các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, hộ gia đình, cá nhân tham gia xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa nông, lâm sản theo hướng huy động nguồn lực từ hình thức xã hội hội hóa.

h) Tích cực phối hợp với các doanh nghiệp xuất khẩu, các sở, ban, ngành, các đơn vị tư vấn vận động người dân cung cấp đầy đủ các nội dung để xây dựng cơ sở dữ liệu EUDR.

9. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan Kiểm lâm các cấp; Ủy ban nhân dân các xã, phường tuyên truyền phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về Quy định EUDR.

10. Các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu bị ảnh hưởng bởi Quy định EUDR

a) Tăng cường minh bạch cơ sở dữ liệu vùng trồng đảm bảo tuân thủ Quy định EUDR, hoàn thiện quy trình thẩm định truy xuất nguồn gốc sản phẩm

- Rà soát chuỗi sản xuất cung ứng: Kiểm tra toàn bộ hoạt động sản xuất từ thu mua nguyên liệu đến sơ chế, chế biến và xuất khẩu. Chỉ thu mua nguyên liệu từ những vùng không bị phá rừng hoặc suy thoái sau ngày **31/12/2020**.

- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc: Thiết lập hệ thống công nghệ cho phép truy xuất nguồn gốc của từng lô hàng đến tận tọa độ địa lý của vùng nguyên liệu.

- Ký cam kết rõ ràng: Đảm bảo tất cả các nhà cung cấp và đối tác trong chuỗi cung ứng ký cam kết không mua bán, chế biến hoặc xuất khẩu sản phẩm có liên quan đến phá rừng.

b) Tăng cường hợp tác và chia sẻ thông tin

- Phối hợp với cơ quan quản lý: Tăng cường hợp tác với các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương để cập nhật dữ liệu vùng nguyên liệu, chia sẻ thông tin sản xuất và xuất khẩu.

- Tham gia cơ chế hợp tác công - tư: Chủ động tham gia vào các diễn đàn hợp tác với cơ quan quản lý để kịp thời tháo gỡ khó khăn.

- Trao đổi với đối tác nhập khẩu: Phối hợp chặt chẽ với các đối tác nhập khẩu tại EU để nắm bắt các yêu cầu mới và giải quyết kịp thời mọi vấn đề phát sinh.

c) Các doanh nghiệp xuất khẩu đi thị trường EU tích cực phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng các ngành hàng để đáp ứng Quy định EUDR.

Trên đây là Kế hoạch triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định EUDR trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể, địa phương, đơn vị liên quan, Hiệp hội doanh nghiệp xuất khẩu tổ chức thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả; trong quá trình triển khai, nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để được xem xét, chỉ đạo, giải quyết./.

**Khung Kế hoạch triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng
của Liên minh châu Âu trên địa bàn tỉnh Gia Lai**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

STT	Các nhiệm vụ	Chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Xây dựng khung hợp tác công tư trong thực hiện Quy định EUDR			
1	Kiểm toàn Nhóm Công tác công tư cấp tỉnh cho các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi Quy định EUDR; thực hiện các hoạt động và chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Trước 31/9/2025
2	Xây dựng các thỏa thuận hợp tác; triển khai các hoạt động hợp tác công tư	Các Hội, Hiệp hội ngành hàng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng năm
II	Tuyên truyền phổ biến Quy định EUDR			
1	Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật cho các ngành hàng đáp ứng các yêu cầu của Quy định EUDR	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các Hiệp hội ngành hàng	Hàng năm
2	Tuyên truyền, phổ biến Quy định EUDR đến các cơ quan quản lý các cấp, các tác nhân trong các chuỗi giá trị ngành hàng	Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Khuyến nông; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Các Hội, Hiệp hội ngành hàng; các doanh nghiệp; các tổ chức quốc tế	Hàng năm
III	Các giải pháp kỹ thuật			
1. Xây dựng cơ sở dữ liệu cấp tỉnh, cấp xã về khu vực vùng trồng tạo sản phẩm hàng hóa có ảnh hưởng bởi Quy định EUDR				
1.1.	Xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng và số hóa dữ liệu bản đồ địa chính các vườn trồng và điều tra bổ sung đối với các vườn chưa có trên bản đồ địa chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Trước 30/11/2025
1.2	Dựa trên dữ liệu về rừng và vùng trồng phân định các vùng có nguy cơ phá rừng cao, trung bình, thấp			Hàng năm
1.3	Xây dựng và công nhận cơ sở quốc gia về vùng trồng; xây dựng cơ chế chia sẻ và phản hồi thông tin			Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10/12/2025
2. Tiếp tục xây dựng và triển khai hoạt động truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng đến vùng, có gắn với định vị điểm (Points) và ranh giới số (Polygon) của từng vườn đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi Quy định EUDR				

STT	Các nhiệm vụ	Chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2.1	Đối với các ngành hàng (Cà phê, Cao su...)	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và BVTV)	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Trước 30/11/2025
2.2	Đối với các ngành hàng (Gỗ và Lâm sản)	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm)	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Trước 30/11/2025
3	Tăng cường triển khai công tác quản lý bảo vệ rừng, giám sát biến động rừng, kiểm kê theo dõi diễn biến rừng; xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ hiện trạng rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm)	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Thường xuyên
4	Xây dựng và triển khai các mô hình chuyển đổi sinh kế bền vững tại các vùng rủi ro	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trung tâm Khuyến nông tỉnh)	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Hàng năm
IV	Xây dựng và vận hành cơ chế đối thoại và đàm phán với EU và các quốc gia thành viên về Quy định EUDR và các quy định khác			
1	Xây dựng kênh đối thoại thường xuyên với EU	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Hàng năm
2	Tổng hợp, chia sẻ thông tin định kỳ			
V	Huy động nguồn lực			
1	Huy động hỗ trợ tài chính, kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, khu vực tư nhân hỗ trợ các chuỗi giá trị ngành hàng thích ứng với Quy định EUDR	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Thường xuyên
2	Huy động các nguồn lực theo hợp tác công tư, trên cơ sở kế thừa những dữ liệu, thông tin sẵn có của địa phương; xây dựng nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện kế hoạch giải pháp thích ứng với quy định không gây mất rừng của EU cho các ngành hàng nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Hàng năm